

## ĐỀ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM LỚP 10 MÔN LÝ – ĐỀ SỐ 4



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

**Câu 1:** Trong các hệ thức dưới đây, hệ thức của định luật Ôm là:

A.  $I = \frac{U}{R}$

B.  $R = U.I$

C.  $U = I^2.R$

D.  $U = \frac{I}{R}$

**Câu 2:** Điện trở của dây dẫn là đại lượng

A. đặc trưng cho mức độ cản trở hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn.

B. tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây và tỉ lệ nghịch với cường độ dòng điện chạy qua dây.

C. đặc trưng cho tính cản trở dòng điện nhiều hay ít của dây dẫn.

D. tỉ lệ thuận với cường độ dòng điện chạy qua và tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn.

**Câu 3:** Một đoạn mạch gồm hai điện trở  $R_1$  và  $R_2$  mắc song song. Điện trở tương đương của đoạn mạch được tính theo công thức nào dưới đây:

A.  $\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$

B.  $R_{td} = R_1 + R_2$

C.  $R_{td} = \frac{R_1}{R_2}$

D.  $R_{td} = R_1.R_2$

**Câu 4:** Biến trở có thể được sử dụng để:

A. thay đổi vật liệu dây dẫn trong mạch đầu mạch điện.

B. điều chỉnh hiệu điện thế giữa hai

C. điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch dẫn trong mạch.

D. thay đổi khối lượng riêng của dây

**Câu 5:** Số đếm công tơ điện ở gia đình cho biết:

A. Thời gian sử dụng điện của gia đình sử dụng.

B. Công suất điện mà gia đình sử dụng.

C. Điện năng mà gia đình đã sử dụng.  
sử dụng.

D. Số dụng cụ và thiết bị đang được

**Câu 6:** Đặt một hiệu điện thế  $U$  vào hai đầu của điện trở  $R$  thì cường độ dòng điện chạy qua là  $I$ . Công thức nào dưới đây là công thức tính nhiệt lượng tỏa ra trên dây dẫn trong thời gian  $t$ :

A.  $Q = \frac{U}{I} \cdot t$

B.  $Q = \frac{I}{U} \cdot t$

C.  $Q = U^2 \cdot R \cdot t$

D.  $Q = I^2 \cdot R \cdot t$

**Câu 7:** Người ta dùng dụng cụ nào để nhận biết từ trường?

A. Dùng ampe kế

B. Dùng vôn kế

C. Dùng áp kế

D. Dùng kim nam châm có trục quay

**Câu 8:** Cách làm tăng lực từ của một nam châm điện?

A. Làm tăng chiều dài của lõi sắt non.

B. Tăng đường kính dây quấn.

C. Làm tăng cường độ dòng điện qua các vòng dây hoặc tăng số vòng dây của ống dây.

D. Giảm hiệu điện thế đặt vào hai đầu ống dây.

**Câu 9:** Vật AB đặt trước thấu kính phân kì có tiêu cự  $f$  và cách thấu kính một khoảng  $d = f$ .

Khi đó ảnh của vật có đặc điểm nào sau đây là đúng nhất?

A. Ảnh ảo, cùng chiều và bằng vật.  
nửa vật.

B. Ảnh ảo, ngược chiều và bằng một

C. Ảnh ảo, ngược chiều và bằng vật.  
nửa vật.

D. Ảnh ảo, cùng chiều và bằng một

**Câu 10:** Cách giảm hao phí hiệu quả và tiết kiệm trên đường truyền tải điện năng đi xa là:

A. Tăng tiết diện dây dẫn.

B. Tăng hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây truyền tải.

C. Tăng đường kính dây dẫn.

D. Giảm công suất truyền tải.

**Câu 11:** Trong mạch điện kín xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều khi:

- A. Số đường sức từ xuyên qua mạch luôn giảm.
- B. Số đường sức từ xuyên qua mạch không thay đổi.
- C. Số đường sức từ xuyên qua mạch luôn biến thiên thay đổi.
- D. Số đường sức từ xuyên qua mạch luôn tăng.

**Câu 12:** Máy phát điện xoay chiều gồm những bộ phận nào dưới đây?

- A. Cuộn dây dẫn và nam châm.
- B. Nam châm vĩnh cửu và hai thanh quét.
- C. Cuộn dây dẫn và lõi sắt.
- D. Ống dây điện có lõi sắt và hai vành khuyên.

**Câu 13:** Một người bị tật cận thị đeo kính phân kì thích hợp nhất có tiêu cự 120cm. Hỏi khi không đeo kính thì người đó nhìn rõ được vật cách mắt xa nhất là bao nhiêu?

- A. 75cm                      B. 120cm                      C. 50cm                      D. 15cm

**Câu 14:** Một thấu kính hội tụ có tiêu cự 2,5cm dùng làm kính lúp thì có độ bội giác là bao nhiêu?

- A. 10                      B. 20                      C. 0,1                      D. 6,25

**Câu 15:** A'B' là ảnh của AB qua thấu kính hội tụ có tiêu cự là f, ảnh A'B' ngược chiều và cao bằng vật, gọi d là khoảng cách từ vật đến thấu kính, điều nào sau đây là đúng khi nói về mối quan hệ giữa d và f:

- A.  $d > f$                       B.  $d = f$                       C.  $d = 2.f$                       D.  $d < f$

**Câu 16:** Khi một tia sáng đi từ không khí tới mặt phân cách giữa không khí và mặt nước thì có thể xảy ra hiện tượng nào dưới đây?

- A. Không thể đồng thời xảy ra cả hiện tượng khúc xạ lẫn hiện tượng phản xạ.
- B. Chỉ có thể xảy ra hiện tượng phản xạ.
- C. Chỉ có thể xảy ra hiện tượng khúc xạ.

**D.** Có thể đồng thời xảy ra cả hiện tượng khúc xạ lẫn hiện tượng phản xạ.

**Câu 17:** Một trong những đặc tính quan trọng của thể thủy tinh là:

**A.** Có thể dễ dàng đưa ra phía trước như vật kính máy ảnh.

**B.** Có thể dễ dàng thay đổi màu sắc để thích ứng với màu sắc của các vật xung quanh.

**C.** Có thể dễ dàng phồng lên hay dẹt xuống để thay đổi tiêu cự.

**D.** Có thể biến đổi dễ dàng thành một thấu kính phân kì.

**Câu 18:** Một máy biến thế có 2500 vòng ở cuộn sơ cấp và 75000 vòng ở cuộn thứ cấp thì hiệu điện thế ở hai cuộn dây có liên hệ với nhau như thế nào?

**A.**  $U_2 = 3U_1$

**B.**  $U_2 = 30U_1$

**C.**  $U_1 = 30U_2$

**D.**  $U_1 = U_2$

**Câu 19:** Một cốc thủy tinh trong, có đáy cong, đựng nước trong, được đặt trên một tờ giấy có chữ O. Một người đặt mắt trên phương thẳng đứng, nhìn chữ O đó qua mặt nước trong cốc.

Hỏi tia sáng truyền từ chữ O đến mắt đã chịu bao nhiêu lần khúc xạ?

**A.** Ba lần

**B.** Hai lần

**C.** Một lần

**D.** Bốn lần

**Câu 20:** Đặc điểm nào là của thấu kính phân kì?

**A.** Bằng thủy tinh có phần rìa mỏng, phần giữa dày.

**B.** Bằng nhựa có phần rìa dày, phần giữa mỏng.

**C.** Bằng kim loại có phần rìa dày, phần giữa mỏng.

**D.** Bằng thủy tinh có phần rìa dày, phần giữa mỏng.

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

1.A	2.C	3.A	4.C	5.C	6.D	7.D	8.C	9.D	10.B
11.C	12.A	13.B	14.A	15.C	16.D	17.C	18.B	19.A	20.B

**Câu 1:** Trong các hệ thức dưới đây, hệ thức của định luật Ôm là:

A.  $I = \frac{U}{R}$

B.  $R = U.I$

C.  $U = I^2 . R$

D.  $U = \frac{I}{R}$

**Phương pháp:**

Vận dụng lí thuyết định luật Ôm.

**Cách giải:**

Hệ thức của định luật Ôm là:  $I = \frac{U}{R}$

**Chọn A.**

**Câu 2:** Điện trở của dây dẫn là đại lượng

- A. đặc trưng cho mức độ cản trở hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn.
- B. tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây và tỉ lệ nghịch với cường độ dòng điện chạy qua dây.
- C. đặc trưng cho tính cản trở dòng điện nhiều hay ít của dây dẫn.
- D. tỉ lệ thuận với cường độ dòng điện chạy qua và tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn.

**Phương pháp:**

Vận dụng lí thuyết về điện trở của dây dẫn.

**Cách giải:**

Điện trở của một dây dẫn là đại lượng đặc trưng cho tính cản trở dòng điện của dây dẫn đó.

**Chọn C.**

**Câu 3:** Một đoạn mạch gồm hai điện trở  $R_1$  và  $R_2$  mắc song song. Điện trở tương đương của đoạn mạch được tính theo công thức nào dưới đây:

A.  $\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$

B.  $R_{td} = R_1 + R_2$

C.  $R_{td} = \frac{R_1}{R_2}$

D.  $R_{td} = R_1 \cdot R_2$

**Phương pháp:**

Vận dụng lí thuyết bài “Đoạn mạch song song”.

**Cách giải:**

Công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch gồm hai điện trở mắc song song là:

$$\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$$

**Chọn A.**

**Câu 4:** Biến trở có thể được sử dụng để:

A. thay đổi vật liệu dây dẫn trong mạch đầu mạch điện.

B. điều chỉnh hiệu điện thế giữa hai

C. điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch dẫn trong mạch.

D. thay đổi khối lượng riêng của dây

**Phương pháp:**

Biến trở là điện trở có thể thay đổi trị số và có thể được sử dụng để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch.

**Cách giải:**

Biến trở là điện trở có thể thay đổi trị số và có thể được sử dụng để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch.

**Chọn C.**

**Câu 5:** Số đếm công tơ điện ở gia đình cho biết:

- A. Thời gian sử dụng điện của gia đình.  
 B. Công suất điện mà gia đình sử dụng.  
 C. Điện năng mà gia đình đã sử dụng.  
 D. Số dụng cụ và thiết bị đang được sử dụng.

**Phương pháp:**

Lượng điện năng sử dụng được đo bằng công tơ điện. Mỗi số đếm của công tơ điện cho biết lượng điện năng đã được sử dụng là 1 kilooat giờ.

**Cách giải:**

Số đếm công tơ điện ở gia đình cho biết điện năng mà gia đình đã sử dụng.

**Chọn C.**

**Câu 6:** Đặt một hiệu điện thế  $U$  vào hai đầu của điện trở  $R$  thì cường độ dòng điện chạy qua là  $I$ . Công thức nào dưới đây là công thức tính nhiệt lượng tỏa ra trên dây dẫn trong thời gian  $t$ :

A.  $Q = \frac{U}{I} \cdot t$

B.  $Q = \frac{I}{U} \cdot t$

C.  $Q = U^2 \cdot R \cdot t$

D.  $Q = I^2 \cdot R \cdot t$

**Phương pháp:**

Sử dụng lí thuyết bài “Định luật Jun-Lenxo”.

**Cách giải:**

Nhiệt lượng tỏa ra trên dây dẫn trong thời gian  $t$  là:  $Q = I^2 R t$

**Chọn D.**

**Câu 7:** Người ta dùng dụng cụ nào để nhận biết từ trường?

- A. Dùng ampe kế  
 B. Dùng vôn kế  
 C. Dùng áp kế  
 D. Dùng kim nam châm có trục quay

**Phương pháp:**

Sử dụng lí thuyết tác dụng từ của dòng điện – từ trường.

**Cách giải:**

Người ta dùng kim nam châm (gọi là nam châm thử) để nhận biết từ trường.

**Chọn D.**

**Câu 8:** Cách làm tăng lực từ của một nam châm điện?

- A. Làm tăng chiều dài của lõi sắt non.
- B. Tăng đường kính dây quấn.
- C. Làm tăng cường độ dòng điện qua các vòng dây hoặc tăng số vòng dây của ống dây.
- D. Giảm hiệu điện thế đặt vào hai đầu ống dây.

**Phương pháp:**

Cách làm tăng lực từ của nam châm điện:

- + Tăng cường độ dòng điện chạy qua các vòng dây.
- + Tăng số vòng dây của cuộn dây.

**Cách giải:**

Để làm tăng lực từ của nam châm điện ta làm tăng cường độ dòng điện chạy qua các vòng dây hoặc tăng số vòng dây của ống dây.

**Chọn C.**

**Câu 9:** Vật AB đặt trước thấu kính phân kì có tiêu cự  $f$  và cách thấu kính một khoảng  $d = f$ .

Khi đó ảnh của vật có đặc điểm nào sau đây là đúng nhất?

- A. Ảnh ảo, cùng chiều và bằng vật.
- B. Ảnh ảo, ngược chiều và bằng một nửa vật.
- C. Ảnh ảo, ngược chiều và bằng vật.
- D. Ảnh ảo, cùng chiều và bằng một nửa vật.

**Phương pháp:**

Sử dụng lí thuyết về sự tạo ảnh của vật qua TKPK.

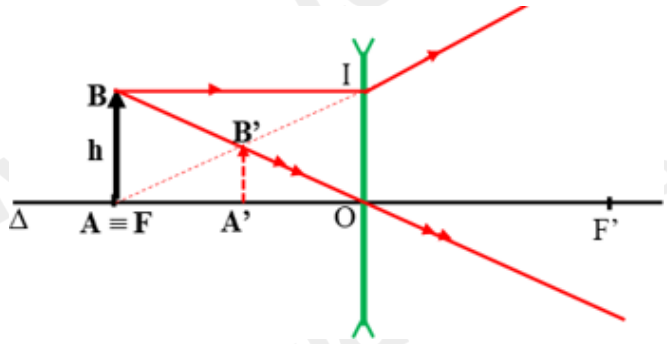


**Cách giải:**

Vật AB đặt trước thấu kính phân kì có tiêu cự  $f$  và cách thấu kính một khoảng  $d = f$

. Khi đó ảnh

của vật là ảnh ảo, cùng chiều và bằng một nửa vật.

**Chọn D.**

**Câu 10:** Cách giảm hao phí hiệu quả và tiết kiệm trên đường truyền tải điện năng đi xa là:

- A. Tăng tiết diện dây dẫn.
- B. Tăng hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây truyền tải.
- C. Tăng đường kính dây dẫn.
- D. Giảm công suất truyền tải.

**Phương pháp:**

Công suất hao phí:  $P_{hp} = \frac{P^2 R}{U^2}$

Điện trở của dây dẫn:  $R = \frac{\rho l}{S}$

**Cách giải:**

Công suất hao phí trên đường dây truyền tải:  $P_{hp} = \frac{P^2 R}{U^2} \Rightarrow \begin{cases} P_{hp} \sim R \\ P_{hp} \sim \frac{1}{U^2} \end{cases}$

$\Rightarrow$  Cách giảm hao phí hiệu quả và tiết kiệm trên đường truyền tải điện năng đi xa là tăng hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây truyền tải.

**Chọn B.**

**Câu 11:** Trong mạch điện kín xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều khi:

- A. Số đường sức từ xuyên qua mạch luôn giảm.
- B. Số đường sức từ xuyên qua mạch không thay đổi.
- C. Số đường sức từ xuyên qua mạch luân phiên thay đổi.
- D. Số đường sức từ xuyên qua mạch luôn tăng.

**Phương pháp:**

Sử dụng lí thuyết về dòng điện xoay chiều:

Dòng điện cảm ứng trong cuộn dây dẫn kín đổi chiều khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây đang tăng mà chuyển sang giảm hoặc ngược lại đang giảm mà chuyển sang tăng. Dòng điện luân phiên đổi chiều như thế gọi là dòng điện xoay chiều.

**Cách giải:**

Trong mạch điện kín xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều khi số đường sức từ xuyên qua mạch luân phiên thay đổi.

**Chọn C.**

**Câu 12:** Máy phát điện xoay chiều gồm những bộ phận nào dưới đây?

- A. Cuộn dây dẫn và nam châm.
- B. Nam châm vĩnh cửu và hai thanh quét.
- C. Cuộn dây dẫn và lõi sắt.
- D. Ống dây điện có lõi sắt và hai vành khuyên.

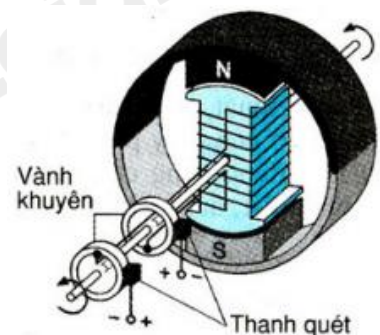
**Phương pháp:**

Máy phát điện xoay chiều có hai bộ phận chính là nam châm và cuộn dây dẫn.

Một trong hai bộ phận đó đứng yên gọi là stato, bộ phận còn lại quay gọi là rôto.

**Cách giải:**

Máy phát điện xoay chiều gồm cuộn dây dẫn và nam châm.



**Chọn A.**

**Câu 13:** Một người bị tật cận thị đeo kính phân kì thích hợp nhất có tiêu cự 120cm. Hỏi khi không đeo kính thì người đó nhìn rõ được vật cách mắt xa nhất là bao nhiêu?

A. 75cm

B. 120cm

C. 50cm

D. 15cm

**Phương pháp:**

Lí thuyết về mắt cận và cách khắc phục:

+ Mắt cận thị là mắt có thể nhìn rõ những vật ở gần, nhưng không nhìn rõ những vật ở xa.

+ Mắt cận phải đeo kính phân kì để nhìn rõ những vật ở xa.

+ Kính cận thị thích hợp có tiêu điểm F trùng với điểm cực viễn ( $C_v$ ) của mắt (tiêu cự của kính bằng khoảng cực viễn)

**Cách giải:**

Kính cận thị thích hợp có tiêu điểm F trùng với điểm cực viễn ( $C_v$ ) của mắt (tiêu cự của kính bằng khoảng cực viễn)

Mà người này đeo kính phân kì có tiêu cự 120cm

$\Rightarrow OC_v = 120cm \Rightarrow$  khi không đeo kính thì người đó nhìn rõ được vật cách mắt xa nhất 120cm.

**Chọn B.**

**Câu 14:** Một thấu kính hội tụ có tiêu cự 2,5cm dùng làm kính lúp thì có độ bội giác là bao nhiêu?

A. 10

B. 20

C. 0,1

D. 6,25

**Phương pháp:**

Độ bội giác của kính lúp:  $G = \frac{25}{f(cm)}$

**Cách giải:**

Tiêu cự của kính lúp:  $f = 2,5cm$

$$\Rightarrow \text{Độ bội giác của kính lúp: } G = \frac{25}{f(\text{cm})} = \frac{25}{2,5} = 10$$

**Chọn A.**

**Câu 15:** A'B' là ảnh của AB qua thấu kính hội tụ có tiêu cự là  $f$ , ảnh A'B' ngược chiều và cao bằng vật, gọi  $d$  là khoảng cách từ vật đến thấu kính, điều nào sau đây là đúng khi nói về mối quan hệ giữa  $d$  và  $f$ :

**A.**  $d > f$

**B.**  $d = f$

**C.**  $d = 2.f$

**D.**  $d < f$

**Phương pháp:**

Ảnh của một vật qua thấu kính hội tụ:

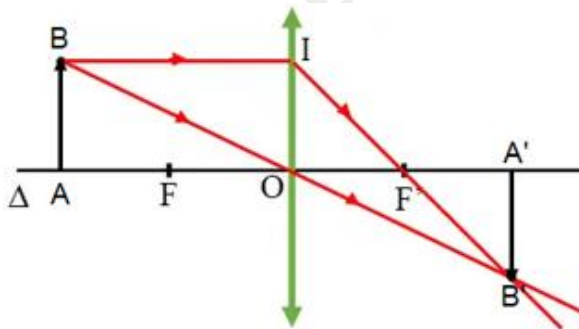
+ Nếu  $d < f$ : TKHT cho ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật

+ Nếu  $f < d < 2f$ : TKHT cho ảnh thật ngược chiều với vật và lớn hơn vật

+ Nếu  $d = 2f$ : TKHT cho ảnh thật ngược chiều với vật và bằng vật.

+ Nếu  $d > 2f$ : TKHT cho ảnh thật, ngược chiều và nhỏ hơn vật.

**Cách giải:**



A'B' là ảnh của AB qua thấu kính hội tụ có tiêu cự là  $f$ , ảnh A'B' ngược chiều và cao bằng vật

$$\Rightarrow d = 2f$$

**Chọn C.**

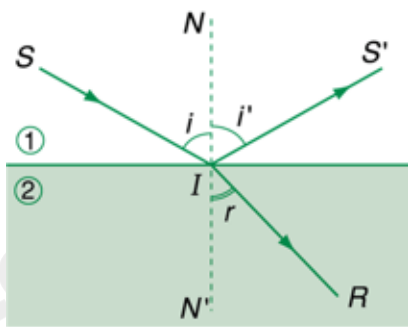
**Câu 16:** Khi một tia sáng đi từ không khí tới mặt phân cách giữa không khí và mặt nước thì có thể xảy ra hiện tượng nào dưới đây?

- A. Không thể đồng thời xảy ra cả hiện tượng khúc xạ lẫn hiện tượng phản xạ.
- B. Chỉ có thể xảy ra hiện tượng phản xạ.
- C. Chỉ có thể xảy ra hiện tượng khúc xạ.
- D. Có thể đồng thời xảy ra cả hiện tượng khúc xạ lẫn hiện tượng phản xạ.

**Phương pháp:**

Sử dụng lí thuyết về hiện tượng khúc xạ và phản xạ ánh sáng.

**Cách giải:**



Khi một tia sáng đi từ không khí tới mặt phân cách giữa không khí và mặt nước thì có thể đồng thời xảy ra cả hiện tượng khúc xạ lẫn hiện tượng phản xạ.

**Chọn D.**

**Câu 17:** Một trong những đặc tính quan trọng của thể thủy tinh là:

- A. Có thể dễ dàng đưa ra phía trước như vật kính máy ảnh.
- B. Có thể dễ dàng thay đổi màu sắc để thích ứng với màu sắc của các vật xung quanh.
- C. Có thể dễ dàng phồng lên hay dẹt xuống để thay đổi tiêu cự.
- D. Có thể biến đổi dễ dàng thành một thấu kính phân kì.

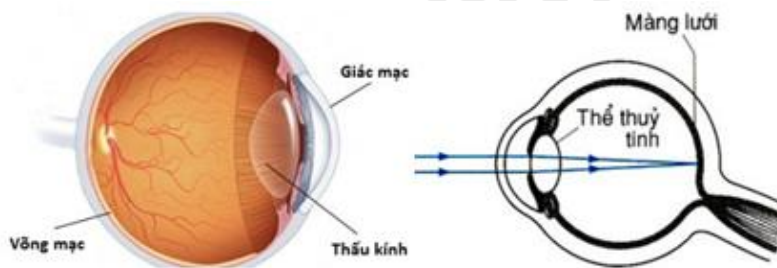
**Phương pháp:**

Lí thuyết về cấu tạo của mắt: Mắt có nhiều bộ phận. Hai bộ phận quan trọng nhất của mắt là: thể thủy tinh và màng lưới (còn gọi là võng mạc)

+ Thể thủy tinh là một thấu kính hội tụ bằng một chất trong suốt và mềm. Nó dễ dàng phồng lên hoặc dẹt xuống khi cơ vòng đỡ nó bóp lại hay giãn ra làm cho tiêu cự của nó thay đổi.

+ Màng lưới là một màng ở đáy mắt, tại đó ảnh của vật mà ta nhìn thấy sẽ hiện lên rõ nét.

**Cách giải:**



Một trong những đặc tính quan trọng của thể thủy tinh là có thể dễ dàng phồng lên hay dẹt xuống để thay đổi tiêu cự.

**Chọn C.**

**Câu 18:** Một máy biến thế có 2500 vòng ở cuộn sơ cấp và 75000 vòng ở cuộn thứ cấp thì hiệu điện thế ở hai cuộn dây có liên hệ với nhau như thế nào?

A.  $U_2 = 3U_1$

B.  $U_2 = 30U_1$

C.  $U_1 = 30U_2$

D.  $U_1 = U_2$

**Phương pháp:**

Công thức máy biến áp:  $\frac{U_1}{U_2} = \frac{N_1}{N_2}$

**Cách giải:**

Ta có:  $N_1 = 2500; N_2 = 75000$

Áp dụng công thức máy biến áp ta có:  $\frac{U_1}{U_2} = \frac{N_1}{N_2} = \frac{2500}{75000} = \frac{1}{30} \Rightarrow U_2 = 30U_1$

**Chọn B.**

**Câu 19:** Một cốc thủy tinh trong, có đáy cong, đựng nước trong, được đặt trên một tờ giấy có chữ O. Một người đặt mắt trên phương thẳng đứng, nhìn chữ O đó qua mặt nước trong cốc.

Hỏi tia sáng truyền từ chữ O đến mắt đã chịu bao nhiêu lần khúc xạ?

A. Ba lần

B. Hai lần

C. Một lần

D. Bốn lần

**Phương pháp:**

Sử dụng lí thuyết về hiện tượng khúc xạ ánh sáng.

**Cách giải:**

Tia sáng truyền từ chữ O tới mắt người đó đã qua ba lần khúc xạ tại hai mặt phân cách:

Không khí – Thủy tinh; Thủy tinh – Nước và Nước – Không khí.

**Chọn A.**

**Câu 20:** Đặc điểm nào là của thấu kính phân kì?

- A. Bằng thủy tinh có phần rìa mỏng, phần giữa dày.
- B. Bằng nhựa có phần rìa dày, phần giữa mỏng.
- C. Bằng kim loại có phần rìa dày, phần giữa mỏng.
- D. Bằng thủy tinh có phần rìa dày, phần giữa mỏng.

**Phương pháp:**

Thấu kính phân kì có phần rìa dày hơn phần giữa:

**Cách giải:**

Đặc điểm của thấu kính phân kì: Bằng thủy tinh có phần rìa dày, phần giữa mỏng.

**Chọn B.**